TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2022/DS-PT
Ngày: 07/12/2022.
V/v tranh chấp: "*Quyền sử dụng đất; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Tính.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hậu Mộng Thúy, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2022/TLPT-DS ngày 03/10/2022 về việc tranh chấp: "*Quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DSST, ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2022/QĐ-PT ngày 18/10/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; (có mặt)
Nguyễn Anh T, sinh năm 1969; (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

**. Đại diện theo ủy quyền của T, Th:*
Nguyễn Văn G, sinh năm 1944; (có mặt)
Địa chỉ: Số M, phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1934; (có mặt)
Nguyễn Văn P, sinh năm 1931; (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:
Lê Thị Thiên H, sinh năm 1972; (có mặt)

Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992; (vắng mặt)
Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2001; (vắng mặt)
Đại diện theo ủy quyền của H, T, T:
Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang;

Lê Văn M, sinh năm 1968; (vắng mặt)
Lê Kim H, sinh năm 1993; (vắng mặt)
Lê Kim Q, sinh năm 1999; (vắng mặt)
Đại diện theo ủy quyền của M, H, Q:
Nguyễn Anh T, sinh năm1969; (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền của H: Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Mười H, sinh năm 1975; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị K, sinh năm 1958; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Trương Thị Trúc P, sinh năm 1989; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966; (có mặt)
Võ Phước D, sinh năm 1985; (có văn bản xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; (có văn bản xin vắng mặt)
Trương Hữu Q, sinh năm 1992; (có văn bản xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ: Khu M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang;
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Chủ tịch;
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng S – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P;(có văn bản xin vắng mặt)

*. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày: Gia đình ông có thửa đất số 321, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.473m^2 và thửa đất số 349, tờ bản đồ số 1, diện tích 12.590m^2 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 453 QSDĐ, ngày 02/02/1998 cho hộ là bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1987, cha mẹ ông chia cho ông 01 phần đất có diện tích là 295,1m^2 thuộc thửa 321 để ông làm nhà ở nhưng đến hiện tại chưa sang tên cho ông;

Đến năm 2007, cụ H tự ý sang tên chuyển quyền cho một mình cá nhân đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết hai thửa đất gồm: Thửa 321, diện tích 3.473m^2 vào số cấp giấy số H00588, ngày 06/02/2007 và thửa 349 có biến động do cụ H cho tặng và chuyển nhượng nên có thửa mới là thửa 349, diện tích còn lại là 7.584m^2 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00589, ngày 06/02/2007, tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang;

Cụ H và cụ Phẩm đã tặng cho và chuyển nhượng hết thửa 349, diện tích 7.584m^2, chỉ còn lại thửa 321, diện tích 3.473m^2, theo đo đạc thực tế ngày 06/3/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P thửa 321, tờ bản đồ số 01 diện tích hiện nay là 2.809,9m^2;

Ông T yêu cầu công nhận thửa đất số 321, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.473m^2 (diện tích theo thực tế 2.809,9m^2), vào sổ cấp giấy số H00588, ngày 06/02/2007, cấp cho cụ Nguyễn Thị H là tài sản chung của hộ gia đình và chia cho ông 01 phần có diện tích 367,2m^2 tại phần đất ông có xây dựng nhà ở.

Bà Nguyễn Anh T trình bày: Nội dung khởi kiện về nguồn gốc đất và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thống nhất cùng lời trình bày của ông T. Năm 1987, cụ Phẩm và cụ H chia cho bà 120m^2 đất thuộc thửa 321 nhưng đến hiện tại chưa sang tên cho bà;

Bà Th yêu cầu công nhận thửa đất số 321, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.473m^2 (diện tích theo đo đạc thực tế 2.809,9m^2), vào sổ cấp giấy số H00588, ngày 06/02/2007, cấp cho cụ Nguyễn Thị H là tài sản chung của hộ gia đình và chia cho bà 01 phần có diện tích theo đo đạc thực tế 78,9 m^2 tại phần đất bà có xây dựng nhà ở.

Bị đơn cụ Nguyễn Thị H và cụ Nguyễn Văn P thống nhất trình bày: Hai cụ có thửa đất số 321, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.473m^2 và thửa đất số 349, tờ bản đồ số 01, diện tích 12.590m^2 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 453 QSDĐ, ngày 02/02/1998, cấp cho hộ, do cụ Nguyễn Thị H đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Nguồn gốc hai thửa đất này là do gia đình cụ H cho khi hai cụ kết hôn, hai cụ quản lý canh tác từ trước năm 1975. Sau năm 1975, hai cụ kê khai đăng ký và để cho cụ H đứng tên, nhưng khi cấp giấy đất thì cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị H. Do thiếu hiểu biết về pháp luật đất đai nên hai cụ nghĩ cấp như vậy là cấp cho cụ

H. Ngoài ra trong thời gian chung sống, hai cụ có mua thêm khoảng 10.000m^2 đất. Đến khi các con của hai cụ có gia đình riêng, hai cụ đã chia cho con trai là 3.000m^2, con gái là 2.000m^2. Cụ thể: Chia cho ông T 3.473m^2, chia cho bà Th 2.366m^2 và chia cho ông H 2.989m^2. Sau khi chia cho các con và chuyển nhượng một phần để sinh sống, hiện tại chỉ còn lại 01 thửa đất vườn 3.473m^2 (diện tích theo đo đạc thực tế 2.809,9m^2);

Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Thanh H. Hai cụ có ý kiến sau: Đất là tài sản của 02 cụ được cho tặng trước khi có các con là ông T, bà Th và ông H, không phải đất của hộ gia đình. Hai cụ cũng không nhập các thửa đất này vào khối tài sản chung của hộ gia đình. Các thửa đất này từ trước đến hiện tại do hai cụ quản lý sử dụng, ông T, bà Th và ông H cũng không có công sức gì đóng góp vào quá trình hình thành, gìn giữ và tôn tạo các thửa đất này. Đồng thời hai cụ cũng đã chia cho các ông bà Th, T và Hải rồi, nay không đồng ý chia tiếp. Đối với nhà của ông T, bà Th còn ở trên đất thì trước đây hai cụ có cất nhà cho các con ở, nếu không ở nữa thì trả đất lại cho hai cụ. Hai cụ không đòi lại đất và cũng không yêu cầu tháo dở di dời trả lại đất và cũng không đồng ý bồi thường công trình trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc đất và việc cấp giấy đất giống như ý kiến ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T. Nay ông H yêu cầu xác định thửa đất số 321, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.473m^2 (diện tích theo đo đạc thực tế 2.809,9m^2), vào sổ cấp giấy số H00588, ngày 06/02/2007, cấp cho cá nhân cụ Nguyễn Thị H là tài sản chung của hộ gia đình. Yêu cầu chia cho ông 01 phần có diện tích 120m^2 (theo đo đạc thực tế là 119,5m^2).

Lê Thị Thiên H, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T; Lê Văn M, Lê Kim H, Lê Kim Q ủy quyền cho bà Nguyễn Anh T và không có ý kiến.

Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Mười H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Trương Thị Trúc P, Nguyễn Thị N, Võ Phước D và Trương Hữu Q trình bày: Thửa đất đang tranh chấp là tài sản của cá nhân cụ H và cụ Phẩm, không phải tài sản của hộ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, bà Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông H.

Ủy ban nhân dân huyện P trình bày: Ủy ban nhân dân huyện P có công văn số 14/UQ-UBND, ngày 20/5/2022 ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng S-Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện P tham gia vụ án. Đồng thời ông Sơn cũng có đơn xin vắng mặt ngày 02/6/2022 và không có ý kiến gì về nội dung vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DSST, ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông Nguyễn Văn T, bà

Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Thanh H.

Không công nhận thửa đất số 321, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.473m^2, vào sổ cấp giấy số H00588, ngày 06/02/2007, cấp cho cá nhân cụ Nguyễn Thị H (Theo đo đạc thực tế có diện tích 2.809,9m^2). Địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của hộ.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của hộ là quyền sử dụng đất của ông T, bà Th và ông H đối với thửa đất 321. Không chia cho ông Nguyễn Văn T diện tích 367,2m^2; Không chia cho bà Nguyễn Anh T diện tích 78,7m^2 và không chia cho ông Nguyễn Thanh H diện tích 119,5m^2 trong một phần trong thửa đất nói trên.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của cụ Nguyễn Thị H và cụ Nguyễn Văn P:

Công nhận thửa đất số 321, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.473m^2, vào sổ cấp giấy số H00588, ngày 06/02/2007, cấp cho cá nhân cụ Nguyễn Thị H (Theo đo đạc thực tế có diện tích 2.809,9m^2). Địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của cụ Nguyễn Thị H và cụ Nguyễn Văn P.

Thửa đất có tứ cận, kèm theo sơ đồ đất: Hướng Bắc giáp thửa 280 dài 69,42m; Hướng Nam dài 70,48,42m (gồm một đoạn giáp Rạch Khả Hội dài 48,42m và một đoạn giáp đất chị Nga 22m); Hướng Đông giáp đường bê tông rộng 35,86m. Hướng Tây giáp thửa 284 rộng 42,53m.

Cụ H và cụ Phẩm được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 08/7/2022, nguyên đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Anh T và ngày 07/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh H;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T và đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Bị đơn Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn P đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Thanh H;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án

đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T và yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn P, yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh H thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Quyền sở hữu chung và chia tài sản chung" được quy định tại Điều 214 và Điều 224 Bộ luật Dân Sự năm 2005. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 08/7/2022 của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T và ngày 07/7/2022 của ông Nguyễn Thanh H và biên lai tạm nộp án phí phúc thẩm của Nguyễn Văn T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Thanh H thì Nguyễn Văn T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Thanh H kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, các đương sự có mặt, vụ án được tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Thanh H về việc sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét nguồn gốc đất, thời gian quản lý sử dụng, đăng ký kê khai theo quy định:

Nguyên đơn ông T, bà Th, bị đơn cụ H, cụ Phẩm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H đều thừa nhận thửa đất 321 có nguồn gốc là của cha, mẹ cụ H tặng cho cụ H từ khi cụ H và cụ Phẩm kết hôn. Cụ H, cụ Phẩm sử dụng, quản lý canh tác từ trước năm 1975 đến sau năm 1975 thì cụ H kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/02/1998, cấp cho hộ Nguyễn Thị H;

Ông T, bà Th, ông H đều thừa nhận các ông, bà không có công sức đóng góp, gìn giữ, bồi thố, tôn tạo cùng tạo lập, hình thành nên thửa đất này. Vì thửa đất này có nguồn gốc từ ông bà ngoại cho cụ H khi cụ H kết hôn với cụ Phẩm;

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cung cấp: Tại Quyết định số 21/QĐUB, ngày 6/2/1998 của Ủy ban nhân dân huyện P, kèm theo Tờ trình số 2171, ngày 27/11/1997 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 360 hộ gia đình và cá nhân đủ điều kiện cấp giấy đất có tên trong danh sách thuộc ấp Hòa, xã Hòa Hưng; Đồng thời tại danh sách hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số thứ tự 173 ghi tên cá nhân cụ Nguyễn Thị H kê khai thửa 321, diện tích 3.473m^2 và 349, diện tích 12.590m^2, không phải hộ cụ H kê khai. Mặt khác theo hồ sơ chuyển đổi từ hộ sang cá nhân cụ H và được cấp đổi lại năm 2007. Thể hiện tại đơn xin xác nhận đề ngày 26/12/2006 thửa đất 321 là tài sản riêng của cụ H được chính quyền địa phương xét duyệt và công nhận nên mới cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ H từ hộ sang cá nhân;

Như vậy có đủ cơ sở xác định là thửa đất đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Thị H, cụ Nguyễn Văn P trong thời kỳ hôn nhân.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Thanh H.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân Sự 2015;

Áp dụng các điều 214, 215, 216, 224 và 688 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng các điều 36, 73 Luật đất đai năm 1993;

Áp dụng các điều 95, 96, 97, 98, 99 và 100 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Thanh H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DSST, ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Thanh H:

Không công nhận thửa đất số 321, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.473m^2, vào sổ cấp giấy số H00588, ngày 06/02/2007, cấp cho cá nhân cụ Nguyễn Thị H (Theo đo đạc thực tế có diện tích 2.809,9m^2). Địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của hộ.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của hộ là quyền sử dụng đất của ông T, bà Th và ông H đối với thửa đất 321. Không chia cho ông Nguyễn Văn T diện tích 367,2m^2; Không chia cho bà Nguyễn Anh T diện tích 78,7m^2 và không chia cho ông Nguyễn Thanh H diện tích 119,5m^2 trong một phần trong thửa đất nói trên.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của cụ Nguyễn Thị H và cụ Nguyễn Văn P:

Công nhận thửa đất số 321, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.473m^2, vào sổ cấp giấy số H00588, ngày 06/02/2007, cấp cho cá nhân cụ Nguyễn Thị H (Theo đo đạc thực tế có diện tích 2.809,9m^2). Địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của cụ Nguyễn Thị H và cụ Nguyễn Văn P.

Thửa đất có tứ cận, kèm theo sơ đồ đất: Hướng Bắc giáp thửa 280 dài 69,42m; Hướng Nam dài 70,48,42m (gồm một đoạn giáp Rạch Khả Hội dài 48,42m và một đoạn giáp đất chị Nga 22m); Hướng Đông giáp đường bê tông rộng 35,86m. Hướng Tây giáp thửa 284 rộng 42,53m.

Cụ H, cụ Phẩm được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu 1.493.400 đồng; Bà Th phải chịu 555.700 đồng; Ông H phải chịu 688.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002633, ngày 12/12/2019 và 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003610, ngày 11/6/2020; Bà Th được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002632, ngày 02/12/2019; Ông H được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002954, ngày 01/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Nên ông T còn nộp tiếp 893.400 đồng; bà Th còn nộp tiếp 255.700 đồng và ông H còn phải nộp tiếp 388.300 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Thanh H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T, bà Th, ông H mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0010004, 0010006 ngày 08/7/2022 và biên lai thu số 0010003 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***. Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu